

**Ủy ban TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/06/2020

V/v: tranh chấp hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Miện

2/ Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Hội T xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX- ST ngày 04 tháng 06 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

HKTT: thôn Cẩm Trung, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Tạm trú: 197, đường Tôn Thất Thuyết, phường 3, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Do điều kiện công việc chị X có đơn xin được xét xử vắng mặt.

***Bị đơn:** Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Tên gọi khác: Hoàng Văn T.

Nơi cư trú: thôn Cẩm Trung, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Anh T có đơn xin được xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chị Hoàng Thị Vân Anh – sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Anh Hoàng Quốc Tuấn – sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Cùng Nơi cư trú: thôn Cẩm Trung, xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

Chị Vân Anh và anh Tuấn đều có đơn xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh T kết hôn với nhau ngày 09/11/1994. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh T. Cuộc sống vợ chồng ban đầu có hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T chơi bời, rượu chè, không chí thú làm ăn, vợ chồng chị đã sống ly thân đến nay là được 12 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Xuân Cẩm chị mới được 17 tuổi 18 ngày, chưa đủ điều kiện để kết hôn nhưng do không hiểu pháp luật nên chị đã không nhận thức được. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử cho chị được ly hôn với anh T bằng việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh T.

Về con chung: Chị X xác định vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Thị Vân Anh, sinh năm 1995 và Hoàng Quốc Tuấn, sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, có khả năng lao động. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh là anh Hoàng Xuân T (tên gọi khác Hoàng Xuân T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X kết hôn ngày 09/11/1994 trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng đoàn tụ ngày và sống chung cùng gia đình nhà anh được khoảng gần 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, cả làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Từ năm 2005 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Hiện nay chị X sinh sống trong thành phố Hồ Chí Minh còn anh ở thôn Cẩm Trung, xã Xuân Cẩm. Nay chị X làm đơn xin ly hôn anh thì anh nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Thị Vân Anh, sinh năm 1995 và Hoàng Quốc Tuấn, sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, có khả năng lao động. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Anh xác định vợ chồng không có, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị Vân Anh và anh Hoàng Quốc Tuấn cùng có lời khai việc bố mẹ anh chị ly hôn thì chị Vân Anh và anh Tuấn không có ý kiến gì. Về tài sản chung của bố mẹ thì bố mẹ anh chị đã thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết anh chị không có ý kiến gì. Chị Vân Anh và anh Tuấn đều xác nhận không có đóng góp gì trong khối tài sản chung mà bố mẹ.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 5; Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Mục 1 Nghị quyết số: 01/NQ – HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày của chị X đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Hoàng Thị X và anh Hoàng Văn T (tên gọi khác Hoàng Xuân T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Cẩm, Hiệp Hòa, Bắc Giang. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn chị Hoàng Thị X mới được 17 tuổi 18 ngày nên việc kết hôn giữa chị X và anh T chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về việc yêu cầu xin ly hôn của chị X, sau đó chị X thay đổi yêu cầu thành yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đến thời điểm chị X làm đơn xin được ly hôn và yêu cầu Tòa án huỷ hôn nhân trái pháp luật với anh Hoàng Xuân T thì chị X đã đủ tuổi kết hôn và vợ chồng có nhiều năm sống chung với nhau. Vợ chồng có hai con chung đã trưởng thành, có tài sản chung thì

mới phát sinh mâu thuẫn. Vì thế, cần căn cứ vào Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANGTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dân thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì căn cứ Điều 40 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 để xử cho chị X được ly hôn với anh T là đúng theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, anh T cũng xác nhận vợ chồng trong khoảng thời gian chung sống là 26 năm thì đã ly thân được 12 năm, vợ chồng không còn tình cảm nên chị X xin ly hôn anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn. HĐXX nhận thấy, hôn nhân của chị X và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định của pháp luật và lời trình bày của các đương sự để xử cho chị X được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: cả chị X và anh T đều xác định quá trình chung sống chị X và anh T có hai con chung là Hoàng Thị Vân Anh, sinh năm 1995 và Hoàng Quốc Tuấn, sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, có khả năng lao động. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung cho nên tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*: Chị X, anh T đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét và giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: chị Hoàng Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 40 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANGTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dân thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Hoàng Xuân T (Hoàng Văn T);

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003568 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị X đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN